

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 17/10/2021**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Cao Thị Lan Anh	Nữ	25/8/1983	Nghệ An	6.3	5.5	2439/QĐ393/2021	TH002478	
2	Mai Thị Hải Anh	Nữ	20/11/1999	Hà Tĩnh	7.3	8.5	2440/QĐ393/2021	TH002479	
3	Hồ Thị Anh	Nữ	26/02/2000	Nghệ An	6.7	8.5	2441/QĐ393/2021	TH002480	
4	Nguyễn Thị Dung	Nữ	25/4/1999	Nghệ An	7.0	8.5	2442/QĐ393/2021	TH002481	
5	Đậu Đình Dũng	Nam	07/12/1998	Nghệ An	6.7	8.5	2443/QĐ393/2021	TH002482	
6	Phan Hồng Hà	Nam	25/7/1996	Nghệ An	7.0	8.5	2444/QĐ393/2021	TH002483	
7	Nguyễn Như Hải	Nam	30/8/1968	Nghệ An	5.3	6.0	2445/QĐ393/2021	TH002484	
8	Nguyễn Quế Hải	Nam	16/4/1982	Nghệ An	7.0	6.0	2446/QĐ393/2021	TH002485	
9	Thái Doãn Hải	Nam	20/4/1984	Nghệ An	7.0	6.5	2447/QĐ393/2021	TH002486	
10	Lê Thị Hồng Hạnh	Nữ	10/3/1999	Nghệ An	6.3	8.5	2448/QĐ393/2021	TH002487	
11	Đậu Thị Thu Hường	Nữ	19/9/1985	Nghệ An	6.7	6.5	2449/QĐ393/2021	TH002488	
12	Phan Thị Khánh	Nữ	20/02/1999	Nghệ An	6.7	7.5	2450/QĐ393/2021	TH002489	
13	Nguyễn Thị Lam	Nữ	08/4/1999	Nghệ An	6.7	9.0	2451/QĐ393/2021	TH002490	
14	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	02/9/2000	Nghệ An	6.7	7.0	2452/QĐ393/2021	TH002491	
15	Nguyễn Thị Hương Ly	Nữ	18/4/1994	Nghệ An	7.3	5.5	2453/QĐ393/2021	TH002492	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
16	Phạm Thế Mạnh	Nam	09/4/1998	Nghệ An	6.7	7.0	2454/QĐ393/2021	TH002493	
17	Nguyễn Hữu Nam	Nam	07/9/1983	Nghệ An	6.0	7.0	2455/QĐ393/2021	TH002494	
18	Lê Đình Nam	Nam	28/9/1999	Nghệ An	7.3	9.0	2456/QĐ393/2021	TH002495	
19	Nguyễn Thị Phương	Nữ	26/3/2000	Nghệ An	7.3	9.0	2457/QĐ393/2021	TH002496	
20	Phan Thị Thu Phương	Nữ	02/02/1999	Nghệ An	6.7	8.5	2458/QĐ393/2021	TH002497	
21	Lê Trí Quân	Nam	15/8/1999	Nghệ An	7.0	7.5	2459/QĐ393/2021	TH002498	
22	Nguyễn Công Sơn	Nam	29/3/1975	Nghệ An	6.7	8.5	2460/QĐ393/2021	TH002499	
23	Nguyễn Thị Hồng Tâm	Nữ	11/02/1992	Nghệ An	6.3	7.5	2461/QĐ393/2021	TH002500	
24	La Thành Thắng	Nam	04/12/1999	Nghệ An	6.7	7.0	2462/QĐ393/2021	TH002501	
25	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	06/8/1994	Nghệ An	6.0	7.0	2463/QĐ393/2021	TH002502	
26	Hà Thị Thu Trang	Nữ	15/10/1981	Hà Tĩnh	5.7	8.5	2464/QĐ393/2021	TH002503	
27	Võ Công Trứ	Nam	15/8/1998	Nghệ An	6.3	8.0	2465/QĐ393/2021	TH002504	
28	Nguyễn Thị Thanh Vĩnh	Nữ	17/01/1982	Hà Tĩnh	6.7	7.5	2466/QĐ393/2021	TH002505	

